

Số: 148/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học
ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hùng Vương

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-KĐCL ngày 21/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 31;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-KĐCL ngày 27/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 31 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hùng Vương, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 31 ngày 19/12/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Hùng Vương của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 46 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 92%,

trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Hùng Vương và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hùng Vương.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn

10/10/2013

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 148/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt		
Tiêu chuẩn 1		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		3.80	4	80%		
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4					
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	3					
Tiêu chuẩn 2		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4					
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4					
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8						
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chuẩn 3		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.2	4								
Tiêu chí 3.2	3	Tiêu chí 8.3	4								
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chí 8.4	4								
Tiêu chuẩn 4		4.00	3	100%	Tiêu chí 8.5	4					
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chuẩn 9		4.20	5	100%		
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.1	5					
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.2	4								
Tiêu chuẩn 5		3.80	4	80%	Tiêu chí 9.3	4					
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.4	4					
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 9.5	4					
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chuẩn 10		4.00	6	100%		
Tiêu chí 5.4	4	Tiêu chí 10.1	4								
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.2	4								
Tiêu chuẩn 6		4.00	7	100%	Tiêu chí 10.3	4					
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.4	4					
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.5	4					
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 10.6	4					
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chuẩn 11		4.20	5	100%		
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.1	4					
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.2	4					
Tiêu chí 6.7	4	Tiêu chí 11.3	5								
		Tiêu chí 11.4	4								
		Tiêu chí 11.5	4								
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt						
		46			92%						

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

✓

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

*(Kèm theo Nghị quyết số: 148/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (CTĐT) của Trường Đại học Hùng Vương đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra xác định khá rõ ràng kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, cập nhật trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan và được công khai bằng nhiều hình thức. Bản mô tả CTĐT có đủ các thông tin chính về CTĐT, được rà soát, cập nhật và công khai đến các bên liên quan. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Chương trình dạy học thể hiện sự gắn kết, các học phần được sắp xếp phù hợp với tiến trình đào tạo. Triết lý giáo dục được xác định và phổ biến đến các bên liên quan. Hoạt động dạy - học được tổ chức phù hợp hướng đến đạt chuẩn đầu ra và rèn luyện cho người học các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm và khả năng học tập suốt đời cho người học. Phương pháp kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể, được phổ biến đến người học và được triển khai. Công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được thực hiện; kết quả thực hiện giảng dạy, nghiên cứu được quản lý, đánh giá. Chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật; kết quả tuyển sinh ổn định. Hệ thống giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập khá đa dạng, hiệu quả; hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp của người học khá tốt. Cơ sở vật chất, phòng học được quan tâm đầu tư. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ người học thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm được xác lập, giám sát có kết quả; tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm cao. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm, Nhà sử dụng lao động hài lòng với chất lượng người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát CTĐT thể hiện rõ mục tiêu hướng đến đào tạo con người toàn diện mang bản sắc truyền thống; đa dạng hóa hình thức khảo sát, quy mô tham khảo ý kiến các bên liên quan khi rà soát CTĐT và hoàn thiện mục tiêu; rà soát để tránh trùng lặp về nội dung giữa một số mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Rà soát và bổ sung đầy đủ thông tin trong các đề cương học phần; quan tâm thể hiện rõ hơn các nội dung về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; chú trọng tham chiếu Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong việc điều chỉnh, cập nhật các học phần kỹ năng tiếng; chú trọng tham khảo ý kiến các chuyên gia và doanh nghiệp khi điều chỉnh đề cương học phần.

3. Rà soát chương trình dạy học đảm bảo từng học phần có đóng góp hợp lý vào chuẩn đầu ra của CTĐT; triển khai đa dạng hơn các phương pháp dạy - học tăng cường năng lực và kiến tạo cơ hội cho người học phát triển kỹ năng chuyên môn; nghiên cứu phát triển các hướng chuyên ngành tiếng Anh thương mại, tiếng Anh du lịch, hướng đến mở ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

4. Tăng cường các hoạt động bồi dưỡng phương pháp dạy học đặc thù và tiên tiến của dạy học ngoại ngữ, các phương pháp học tập qua trải nghiệm, lớp học đảo ngược, lồng ghép, portfolio, mô phỏng tình huống; khuyến khích người học lựa chọn học phần Khóa luận tốt nghiệp và tham gia nhiều hơn nữa vào các hội thảo, tọa đàm, nghiên cứu khoa học sinh viên; mở rộng hơn các quan hệ hợp tác các doanh nghiệp trong và ngoài nước tạo điều kiện cho sinh viên thực tập, trải nghiệm, cơ hội việc làm.

5. Rà soát và đánh giá hiệu quả của các hình thức thi, kiểm tra đánh giá; đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá để đánh giá được các kỹ năng mềm, năng lực bậc cao hướng tới chuẩn đầu ra mà sinh viên cần đạt ở từng học phần và CTĐT; rà soát, đánh giá, phân tích câu hỏi thi/đề thi phù hợp với chuẩn đầu ra các học phần và đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị trong việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

6. Rà soát quy hoạch lĩnh vực đào tạo đặc thù để có chiến lược, các cơ chế thu hút, phát triển đội ngũ giảng viên chuyên ngành, có trình độ cao và giảng viên đầu ngành đáp ứng yêu cầu CTĐT; đổi mới quản trị theo tiếp cận năng lực phù hợp xu hướng chuyển đổi số và tự chủ; xây dựng cụ thể yêu cầu và mức năng lực để đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực theo từng vị trí giảng viên; rà soát để tiếp tục hoàn thiện phương thức và xây dựng bộ chỉ số KPIs đánh giá giảng viên; có cơ chế đãi ngộ đồng bộ theo hướng ghi nhận đóng góp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và giữ chân người có năng lực; có hướng dẫn cụ thể hơn về hoạt động phục vụ cộng đồng để quản trị và ghi nhận theo các loại hình cụ thể đối với giảng viên; đồng bộ chính sách, cơ chế hỗ trợ nhóm nghiên cứu và thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác trong và ngoài nước để có đề tài, dự án nghiên cứu lớn, nghiên cứu liên ngành, chuyển giao và tăng công bố quốc tế.

7. Mô tả và xác định mức năng lực để thực hiện đánh giá, lập kế hoạch và thực hiện đào tạo phát triển năng lực, trong đó quan tâm năng lực và các kỹ năng đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong các hoạt động; xây dựng các bộ chỉ số đánh giá kết quả

thực hiện của nhân viên; trả thu nhập tăng thêm và đãi ngộ gắn với kết quả, hiệu quả và ghi nhận công hiến để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; giảm tải công việc và lựa chọn giảng viên có trình độ cao, kinh nghiệm và năng lực thực hiện nhiệm vụ cố vấn học tập; nâng cao tính chủ động của các Khoa, đơn vị trong tuyển mộ, lựa chọn, giám sát và đánh giá nhân viên và khuyến khích tự đào tạo, phát triển cá nhân.

8. Phân tích và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động và phân tích kết quả tuyển sinh để có những điều chỉnh về chính sách, tiêu chí tuyển sinh; có giải pháp thu hút thí sinh giỏi cho CTĐT; tiếp tục quan tâm đến hiệu quả giám sát kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên và hỗ trợ sinh viên trong tìm kiếm việc làm; nâng cao chất lượng khảo sát sự hài lòng của sinh viên để cải tiến chất lượng về chất lượng tư vấn trong học tập, rèn luyện, tìm kiếm việc làm và về cảnh quan, môi trường sư phạm.

9. Khảo sát nhu cầu của người học và giảng viên, đầu tư nguồn học liệu điện tử đáp ứng yêu cầu CTĐT; quan tâm đảm bảo đủ số lượng phòng thực hành tiếng và máy tính cho sinh viên thực hành; có lộ trình nâng cấp và thay mới máy tính cho phòng thực hành tiếng; có chính sách và chiến lược khai thác hiệu quả phòng studio và hệ thống LMS để đa dạng hóa các hình thức dạy và học; định kỳ kiểm tra trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và tăng cường công tác vệ sinh khu vực phòng học.

10. Tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra, về cách thức xây dựng chuẩn đầu ra và thiết kế nội dung chương trình dạy học, các phương pháp dạy học, kỹ thuật kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; tham khảo đầy đủ nhu cầu của các bên liên quan, các CTĐT tiên tiến và tham chiếu đầy đủ căn cứ pháp lý và xu thế phát triển ngành đào tạo để tiếp tục rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và CTĐT; cải tiến hoạt động đánh giá quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá và đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhất là việc xử lý kết quả để cải tiến chất lượng.

11. Triển khai các giải pháp giảm tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình, nâng cao năng lực khởi nghiệp, phát triển nghề nghiệp; nghiên cứu điều chỉnh CTĐT phù hợp với thay đổi nhu cầu sử dụng người học tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, chú trọng tích hợp kết quả nghiên cứu vào cải tiến chương trình giảng dạy; chuyển tải, phát huy công nghệ, giáo dục đa ngành của Nhà trường và chọn lọc, vận dụng tinh hoa/giá trị đặc sắc thời đại Hùng Vương, của “Đất Tổ”, Việt Trì, trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng để nâng cao tính hấp dẫn, bền vững và nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT; liên kết, hợp tác hiệu quả, sâu rộng với các bên liên quan, đặc biệt là các đơn vị sử dụng sản phẩm khoa học công nghệ, đào tạo của Nhà trường để cải tiến và nâng cao chất lượng; quản trị và thực hiện cải tiến CTĐT đáp ứng tốt hơn nhu cầu, yêu cầu, sự hài lòng của các bên liên quan.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất

lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. *u*

